

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ
MẸ VÀ NHỮNG NGƯỜI THÂN YÊU CỦA BÉ
(Số tuần: 4 tuần từ ngày 02/12/2024 đến ngày 27/12/2024)

| Mục tiêu giáo dục | | Nội dung giáo dục | Hoạt động giáo dục | Điều chỉnh bổ sung |
|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| TT | Mục tiêu | | | |
| 1. Lĩnh vực Phát triển thể chất | | | | |
| * Phát triển vận động | | | | |
| 1 | - Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục : hít thở, tay, lưng/ bụng và chân. | - Hô hấp: Hít vào thở ra - Tay: Hai tay giơ cao. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước. - Chân: Co duỗi từng chân. | * Chơi - tập có chủ định, thể dục sáng - Hô hấp: Hít vào thở ra - Tay: Hai tay giơ cao. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước. - Chân: Co duỗi từng chân. - Tập kết hợp bài hát "Cả nhà thương nhau". - Trò chơi "Chiếc đồng hồ". | |
| 2 | - Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động: Chạy theo hướng thẳng. | - Chạy theo hướng thẳng. | * Chơi - tập có chủ định - Chạy theo hướng thẳng. * Hoạt động chơi - Trò chơi: Lá rụng. | |
| 3 | - Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Tung bóng qua dây. | - Tung bóng qua dây. | * Chơi - tập có chủ định - Tung bóng qua dây. * Hoạt động chơi - Trò chơi: Bắt chước vận động của các con vật. | |
| 4 | - Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi: Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng. | - Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng. | * Chơi - tập có chủ định - Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng. * Hoạt động chơi - Trò chơi: Bóng nắng | |
| 5 | - Trẻ thể hiện được sức mạnh của cơ bắp trong vận | - Bật qua vạch kẻ. | * Chơi - tập có chủ định - Bật qua vạch kẻ * Hoạt động chơi | |

| Mục tiêu giáo dục | | Nội dung giáo dục | Hoạt động giáo dục | Điều chỉnh bổ sung |
|------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| TT | Mục tiêu | | | |
| | động: Bật qua vạch kẻ. | | - Trò chơi: Bóng tròn to. | |
| 6 | - Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện " múa khéo" | - Nhón nhặt đồ vật. - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, nhào, vò xé. - Chồng, xếp 6 - 8 khối. - Tập xâu vòng màu xanh tặng mẹ, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Tập cầm bút tô màu ngôi nhà bé, tô màu cái bát, vẽ. - Thực hiện các hoạt động: Nhào đất, nặn đôi đũa,... | * Chơi - tập có chủ định - Xâu vòng màu xanh tặng mẹ. - Tô màu ngôi nhà bé - Tô màu cái bát - Nặn đôi đũa. * Hoạt động với đồ vật - Chơi ở khu vực hoạt động với đồ vật: Chồng, xếp khối, lồng hộp... - Chơi ở khu vực vận động: Kéo đẩy ô tô. - Chơi xâu vòng, xếp bàn ghế,... | |
| 7 | - Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong các hoạt động: Xâu vòng màu xanh tặng mẹ, tô màu ngôi nhà bé, tô màu cái bát, nặn đôi đũa. | | | |
| * Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe | | | | |
| 8 | - Trẻ biết thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau như: Thịt lợn, trứng, cá, rau cải,... | - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau như: Thịt lợn, trứng, cá, rau cải,.. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, uống. | * Hoạt động ăn - Thực hành gọi tên các món ăn ở trường trong giờ ăn như: Thịt, cá, trứng, canh rau cải, canh bí,.. - Trẻ tập nói với cô giáo trong giờ ăn khi muốn ăn thêm thức ăn, ăn canh,... | |
| 9 | - Trẻ ngủ một giấc buổi trưa. | - Luyện thói quen ngủ một giấc trưa. | * Hoạt động ngủ - Thực hành thói quen ngủ một giấc buổi trưa. | |
| 10 | - Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định. | - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu | * Hoạt động vệ sinh - Trẻ tập nói với cô giáo | |

| Mục tiêu giáo dục | | Nội dung giáo dục | Hoạt động giáo dục | Điều chỉnh bổ sung |
|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| TT | Mục tiêu | | | |
| | | đi vệ sinh. | khi muốn đi vệ sinh. | |
| 11 | - Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...) | - Tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. | * Hoạt động ăn, vệ sinh - Trẻ thực hành xúc cơm ăn, uống nước súc miệng sau khi ăn cơm xong. - Cho trẻ thực hành một số thao tác đơn giản như: Rửa tay trước khi ăn cơm, lau mặt sau khi ăn. | |
| 12 | - Trẻ biết chấp nhận: Đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh. | - Đội mũ khi ra nắng, biết nắng làm mình bị ốm. - Đi giày dép. | * Hoạt động chơi - Trẻ thực hành đi tất, giày dép, mặc quần áo khi trời lạnh,... | |
| 13 | - Trẻ biết tránh một số vật dụng nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giềng,...) khi được nhắc nhở. | - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm: dao, kéo, vật sắc nhọn, bình nước nóng.. | * Hoạt động chơi - Trò chuyện với trẻ trong giờ đón, trả trẻ biết tránh một số vật dụng nguy hiểm (bếp đang đun, xoong cơm, canh nóng, xô nước... | |
| 2. Lĩnh vực phát triển nhận thức | | | | |
| 15 | - Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng như ti vi, nồi cơm điện, bát, cốc. | - Sờ nắn, nhìn, ngửi... để nhận biết đặc điểm nổi bật tên gọi, màu sắc, hình dạng, ... của đồ vật quen thuộc: Ti vi, nồi cơm điện, bàn, ghế,... - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. | * Hoạt động chơi - tập có chủ định - Nhận biết một số đồ dùng sử dụng điện trong gia đình. (ti vi, nồi cơm điện) - Nhận biết một số dùng ăn uống trong gia đình (bát, cốc) * Hoạt động chơi - Trẻ chơi ở khu vực hoạt động với đồ vật: Cô cho | |

| Mục tiêu giáo dục | | Nội dung giáo dục | Hoạt động giáo dục | Điều chỉnh bổ sung |
|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| TT | Mục tiêu | | | |
| | | - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật: Loa, ti vi, điện thoại. | trẻ sờ một số đồ chơi để nhận biết đồ chơi đó cứng hay mềm. - Cô mở cho trẻ nghe âm thanh của loa, tivi, điện thoại và cho trẻ nhận biết âm thanh của các đồ vật đó. - TCM: Chuẩn bị mâm cơm. | |
| 16 | - Trẻ biết chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. | - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đồ chơi, đồ dùng của bản thân bạn trai: Bóng, ô tô., bạn gái; búp bê, nấu ăn... | * Hoạt động chơi - TCM: Gọi đầu cho búp bê. - TCM: Đoán vật. - TCM: Ngôi nhà của gia đình. - Cho trẻ chơi ở khu vực phân vai cô hỏi trẻ búp bê là đồ dùng của bạn trai hay bạn gái. | |
| 17 | - Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi như bố, mẹ. | - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình như bố, mẹ. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp. | * Chơi -tập có chủ định - NB: Những người thân trong gia đình bé. (Bố, mẹ) * Hoạt động chơi - Trò chuyện với trẻ về những người gần gũi: cô giáo, các bạn trong lớp. | |
| 20 | - Trẻ biết chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu. | - Nhận biết màu đỏ, xanh, vàng. | * Hoạt động chơi - Thực hành nói tên một số đồ chơi trong khu vận động có màu đỏ, xanh, vàng. * Hoạt động với đồ vật - Chơi ở khu vực chơi | |

| Mục tiêu giáo dục | | Nội dung giáo dục | Hoạt động giáo dục | Điều chỉnh bổ sung |
|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| TT | Mục tiêu | | | |
| | | | hoạt động với đồ vật cô yêu cầu trẻ lấy, cất đồ chơi màu xanh, đỏ, vàng. | |
| 21 | - Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có dạng hình tròn, hình vuông theo yêu cầu. | - Hình tròn, hình vuông. | <p>* Chơi - tập có chủ định</p> <p>- NB: Hình tròn – hình vuông.</p> <p>* Hoạt động chơi</p> <p>- Ở khu vực chơi hoạt động với đồ vật, vận động cô yêu cầu trẻ chỉ và lấy những đồ chơi có dạng hình tròn, hình vuông.</p> | |

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

* Nghe hiểu lời nói

| | | | | |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 22 | - Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: “Các con cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay...” | - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, sự vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. | <p>* Hoạt động chơi</p> <p>- Yêu cầu trẻ trong giờ dạo chơi ngoài trời: Các con cất đồ chơi vào rổ rồi đi vào lớp; Giờ chơi – tập ở các khu vực chơi: Các con cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay...</p> | |
| 23 | - Trẻ trả lời và đặt câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “...thế nào?” (ví dụ: Đây là ai? Đây là cái gì.....”. | <p>- Nghe các câu hỏi: Cái gì?; Làm gì?; Để làm gì?; Ở đâu?; Như thế nào?.</p> <p>- Trả lời và đặt câu hỏi: Đây là ai?; Hình gì đây?...</p> | <p>* Chơi - tập có chủ định</p> <p>- Trẻ trả lời được các câu hỏi của cô trong giờ nhận biết như: Đây là cái gì? Cái ti vi dùng để làm gì?...</p> <p>* Hoạt động chơi</p> <p>- Trò chuyện cùng cô trong giờ dạo chơi ngoài trời, chơi tập ở các khu vực chơi như: Cái gì đây? Dùng để làm gì?</p> | |

| Mục tiêu giáo dục | | Nội dung giáo dục | Hoạt động giáo dục | Điều chỉnh bổ sung |
|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| TT | Mục tiêu | | | |
| 24 | - Trẻ hiểu nội dung truyện Thỏ con không vâng lời. Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật trong truyện. | - Nghe các truyện ngắn - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có sự gợi ý. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. | * Chơi - tập có chủ định - Truyện: Thỏ con không vâng lời. * Hoạt động chơi - Cho trẻ tập kể lại đoạn truyện đã được nghe nhiều lần với sự gợi ý của cô giáo. - Cho trẻ xem tranh truyện: Thỏ con không vâng lời và cho trẻ kể tên các nhân vật trong truyện. | |
| * Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu | | | | |
| 25 | - Trẻ phát âm rõ tiếng trong các bài thơ: Yêu mẹ, chửi ngoan, ầm và chảo và câu truyện: Thỏ con không vâng lời. | - Phát âm các âm khác nhau trong các bài thơ: Yêu mẹ, chửi ngoan, ầm và chảo; Trong câu truyện Thỏ con không vâng lời. | * Chơi – tập có chủ định - Thơ: Yêu mẹ, chửi ngoan, ầm và chảo. - Truyện: Thỏ con không vâng lời. * Hoạt động chơi - Cho trẻ xem tranh ảnh và gọi tên một số đồ dùng quen thuộc(VD: ti vi, nồi cơm điện, bàn ghế, tủ lạnh,...) | |
| 26 | - Trẻ đọc được bài thơ: Yêu mẹ, chửi ngoan, ầm và chảo và các bài ca dao, đồng dao đi cầu đi quán, kéo cưa kéo | - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có 3-4 tiếng: Yêu mẹ, chửi ngoan, ầm và chảo. - Đọc các bài đồng | * Chơi - tập có chủ định - Thơ: Yêu mẹ - Thơ: Chửi ngoan - Thơ: Ầm và chảo. * Hoạt động chơi - Ca dao, đồng dao: Đi | |

| Mục tiêu giáo dục | | Nội dung giáo dục | Hoạt động giáo dục | Điều chỉnh bổ sung |
|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| TT | Mục tiêu | | | |
| | kít, xu xoa xu xuyt với sự giúp đỡ của cô giáo. | dao, ca dao đi cầu đi quán, kéo cưa kéo kít, xu xoa xu xuyt, hò vè, câu đố. | cầu đi quán. Kéo cưa kéo kít. Xu xoa xu xuyt. | |
| * Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp | | | | |
| 28 | - Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Bày tỏ nhu cầu của bản thân như: Con muốn ăn thịt,... | - Bày tỏ nhu cầu của bản thân như con muốn ăn thịt,... - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. | * Hoạt động ăn, ngủ - Trẻ bày tỏ nhu cầu của bản thân trong giờ ăn như: Con muốn ăn canh, con muốn ăn thịt,...Bày tỏ nhu cầu trong giờ ngủ: Con muốn đi vệ sinh,... | |
| 4. Lĩnh vực phát triển TCKNXH &TM | | | | |
| 32 | - Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói. | - Giao tiếp với những người xung quanh, bạn bè, cô giáo, gia đình... | * Hoạt động chơi - Trò chuyện với cô và các bạn,... trong giờ đón, trả trẻ, dạo chơi ngoài trời, chơi ở các khu vực chơi. | |
| 36 | - Trẻ biết chào, tạm biệt cảm ơn, ạ, vâng ạ. | - Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ, vâng ạ”, chơi cạnh bạn không cấu bạn. | * Hoạt động giao lưu cảm xúc - Trò chuyện cùng cô và các bạn trong giờ đón, trả trẻ. - Thực hành thể hiện sự cảm ơn cô giáo, các bạn, người thân khi được sự giúp đỡ. | |
| 37 | - Trẻ thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy | - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. Thể hiện một số hành vi qua việc chơi thao tác vai (bế | * Hoạt động chơi - Chơi thao tác vai: Bán hàng, nấu ăn, bế em, ru em ngủ... | |

| Mục tiêu giáo dục | | Nội dung giáo dục | Hoạt động giáo dục | Điều chỉnh bổ sung |
|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| TT | Mục tiêu | | | |
| | bột cho em bé, nghe điện thoại...) | em, cho em ăn, nấu cho em ăn, nghe điện thoại...) | | |
| 40 | - Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc như: Cháu yêu bà, cả nhà thương nhau. | - Nghe cô hát: Đồ dùng bé yêu, bàn tay mẹ. - Hát và vận động đơn giản cùng cô: Cả nhà thương nhau, cháu yêu bà. | * Chơi - tập có chủ định: Âm nhạc: - Dạy hát: Cả nhà thương nhau. - VĐTN: Cháu yêu bà - Nghe hát: Đồ dùng bé yêu, bàn tay mẹ. - TC: Ai đoán đúng. * Hoạt động chơi - Chơi với các dụng cụ âm nhạc: Xắc xô, phách tre, trống... | |
| 41 | - Trẻ thích tô màu ngôi nhà bé, tô màu cái bát, nặn đôi đũa, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc). | - Di màu ngôi nhà bé, cái bát, nặn đôi đũa, xếp hình. - Xem tranh ảnh, vi deo về đồ dùng gia đình. | * Chơi - tập có chủ định - Tô màu ngôi nhà bé - Tô màu cái bát - Nặn đôi đũa * Hoạt động chơi - Xếp hình, xé giấy, chơi với sáp màu - Xem tranh ảnh, video về đồ dùng gia đình: Ti vi, bàn, ghế, tủ, giường,... | |
| Tổng số: 29 mục tiêu | | | | |

BAN GIÁM HIỆU
(Ký duyệt)

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Phạm Thanh Thủy

Trần Thị Bích Thảo

